# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc28541701)

[CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 3](#_Toc28541702)

[CÂU 1: Sản xuất hàng hóa là gì? Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa? 3](#_Toc28541703)

[CÂU 2: Hàng hóa là gì? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa, mối quan hệ giữa hai thuộc tính? 3](#_Toc28541704)

[CÂU 3: Lượng giá trị là gì? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa? 4](#_Toc28541705)

[CÂU 4: Phân tích tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa? Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa với tính chất hai mặt? 4](#_Toc28541706)

[CÂU 5: Phân tích nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ? 5](#_Toc28541707)

[CÂU 6: Thế nào là thị trường? phân tích các chức năng của thị trường? 5](#_Toc28541708)

[CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 6](#_Toc28541709)

[CÂU 1: Vì sao Karl Marx gọi T – H – T’ là công thức chung của tư bản? Phân tích mâu thuẫn công thức chung. 6](#_Toc28541710)

[CÂU 2: Tư bản là gì? Thế nào là nhà tư bản? Theo Karl Marx, nhà tư bản khác với tiểu tư sản ở điểm nào? 6](#_Toc28541711)

[CÂU 3: Giá trị thặng dư TBCN là gì? Nguồn gốc giá trị thặng dư theo Karl Marx? Biểu hiện của giá trị thặng dư trong CNTB? 7](#_Toc28541712)

[CÂU 4: Tiền công là gì? Tại sao tiền công không phải là giá cả của lao động? 7](#_Toc28541713)

[CÂU 5: Tuần hoàn, chu chuyển tư bản là gì? Tốc độ chu chuyển tư bản và ý nghĩa của việc nghiên cứu chu chuyển tư bản? 7](#_Toc28541714)

[CÂU 6: Tư bản bất biến, tư bản khả biến là gì? Mối quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến với tư bản cố định, tư bản lưu động? Ý nghĩa của việc nghiên cứu các cặp tư bản trên? 8](#_Toc28541715)

[CÂU 7: Phân tích 2 phương pháp sx giá trị thặng dư. Tại sao Karl Marx nói rằng giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tưởng của giá trị thặng dư tương đối? 9](#_Toc28541716)

[Câu 8: Tích lũy tư bản là gì? Phân tích những nhân tố làm tăng tích lũy và hệ quả? 10](#_Toc28541717)

[CÂU 9: Chi phí sản xuất TBCN khác với chi phí thực tế như thế nào? So sánh lợi nhuận với giá trị thặng dư? 11](#_Toc28541718)

[CÂU 10: Địa tô TBCN là gì? Địa tô TBCN khác địa tô phong kiến như thế nào? Trình bày các loại địa tô TBCN? 11](#_Toc28541719)

[CHƯƠNG 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM 12](#_Toc28541720)

[CÂU 1: Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 12](#_Toc28541721)

[CÂU 2: Trình bày những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? 13](#_Toc28541722)

[CÂU 3: Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 14](#_Toc28541723)

[CÂU 4: Lợi ích kinh tế là gì? Biểu hiện và vai trò của lợi ích kinh tế? 14](#_Toc28541724)

[CÂU 5: Quan hệ lợi ích kinh tế và các nhân tố ảnh hưởng? 15](#_Toc28541725)

[CÂU 6: Các quan hệ lợi ích chủ yếu trong nền kinh tế thị trường? Sự thống nhất và mâu thuẩn trong các quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích? 15](#_Toc28541726)

# CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

## CÂU 1: Sản xuất hàng hóa là gì? Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa?

* Theo Marx, sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó, người sản xuất tạo ra sản phẩm không nhằm phục vụ mục đích chính mình mà để trao đổi, buôn bán.
* Điều kiện ra đời sản xuất hàng hóa:
* Có sự phân công lao động xã hội: chuyên môn hóa sản xuất => hình thành hàng hóa.
* Sự tách biệt về kinh tế của các chủ thể sản xuất: sản phẩm thuộc sở hữu của cá nhân.

## CÂU 2: Hàng hóa là gì? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa, mối quan hệ giữa hai thuộc tính?

* Hàng hoá là sản phẩm của lao động, thoả mãn nhu cầu nào đó của con ngưòi thông qua trao đổi, mua bán.
* Hai thuộc tính của hàng hóa: giá trị sử dụng và giá trị
* Giá trị sử dụng:
* Là công dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu sử dụng.
* Là phạm trù vĩnh viễn vì do thuộc tính tự nhiên qui định.
* Hàng hóa có 1 hay nhiều công dụng khác nhau phụ thuộc vào mục đích của con người
* Giá trị:
* Là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa, là phạm trù có tính lịch sử.
* Biểu hiện thông qua giá trị trao đổi. 2 hàng hóa trao đổi được với nhau vì có hao phí lao động xấp xỉ nhau.
* Mối quan hệ giữa 2 thuộc tính:
* Tính thống nhất: 2 thuộc tính hàng hóa đều thống nhất trong cùng 1 hàng hóa và do lao động của con người làm ra.
* Tính mâu thuẫn: hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng k đồng nhất với nhau về không gian, thời gian. Người sản xuất cần lợi nhuận, người tiêu dùng cần giá trị sử dụng.

## CÂU 3: Lượng giá trị là gì? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?

* Lượng giá trị: là lượng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa. Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian sản xuất ra hàng hóa trong điều kiện sản xuất bình thường của xã hội.
* Các nhân tố ảnh hưởng:
* Năng suất lao động: phụ thuộc vào yếu tố khoa học kĩ thuật và tay nghề. (NSLD tăng => lượng GT của 1 đv hàng hóa giảm => số lượng hàng hóa tăng => có lợi cho người sản xuất).
* Cường độ lao động: là kéo dài thời gian lao động để tạo nhiều sp hơn. Tăng CĐLĐ => công nhân mệt mỏi => mâu thuẫn.
* Mức độ phức tạp của lao động: tạo ra nhiểu sản phẩm hơn, sản phẩm chât lượng hơn.

## CÂU 4: Phân tích tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa? Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa với tính chất hai mặt?

* Tính 2 mặt của sản xuất hàng hóa:
* LĐ cụ thể: là lao động có ích dưới 1 hình thức cụ thể của nghề nghiệp, chuyên môn nhất định.
* LĐ trừu tượng: là LĐXH của người sản xuất hàng hóa, là sự hao phí về mặt cơ bắp, thần kinh, trí óc.
* Đặc trưng:
* LĐ cụ thể: Mỗi LĐ cụ thể có mục đích riêng, đối tượng riêng, công cụ riêng, kết quả riêng, … Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa.
* LĐ trừu tượng: tạo ra giá trị của hàng hóa.
* Mối quan hệ:
* LĐ cụ thể tạo ra GTSD của hàng hóa và mang tính chất của LĐ tư nhân: khác nhau về phương pháp sản xuất, công cụ sản xuất đối.
* LĐ trừu tượng tạo ra GT hàng hóa và mang tính chất của LĐ xã hội: vì mọi hàng hóa tạo ra đều là hao phí LĐ, sản phẩm tạo ra phục vụ cho mọi người => nó mang tính XH.

## CÂU 5: Phân tích nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ?

* Nguồn gốc: để hiểu nguồn gốc tiền tệ ta phải hiểu 4 hình thái tiền tệ: hình thái giá trị giản đơn, hình thái mở rộng của giá trị, hình thái chung của giá trị, hình thái tiền tệ.
* Bản chất của tiền: là vật ngang giá chung cho tất cả hàng hóa, thể hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.
* Chức năng của tiền: thước đo GT, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán, tiền tệ thế giới.

## CÂU 6: Thế nào là thị trường? phân tích các chức năng của thị trường?

* Khái niệm:
* Thị trường theo nghĩa hẹp là nơi diễn ra các hành vi trao đổi mua bán giữa các chủ thể kinh tế với nhau.
* Theo nghĩa rông, thị trường là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử nhất định.
* Chức năng của thị trường:
* Thừa nhận giá trị sử dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã chi phí để sản xuất ra hàng hóa.
* Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng về cơ cấu, giá cả, chất lượng, … của hàng hóa.
* Kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

# CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

## CÂU 1: Vì sao Karl Marx gọi T – H – T’ là công thức chung của tư bản? Phân tích mâu thuẫn công thức chung.

* Khi gạt bỏ những nghành nghề và lĩnh vực cụ thể, các nhà tư bản đều có đặc điểm chung là bỏ ra số tiền ban đầu (T) mục đích là thu về số tiền lớn hơn (T’). Karl Marx nói rằng: mọi tư bản đều vận dụng công thức chung đó nên gọi là công thức chung của tư bản.
* Các nhà tư bản cổ điển và Karl Marx chứng minh rằng giá trị hàng hóa được tạo ra ở sản xuất (do lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa đó). Những người theo trường phát trọng thương cho rằng giá trị hàng hóa được tạo ra trong lưu thông. Vì vậy, gọi là mâu thuẫn công thức chung của tư bản. Để giải quyết mâu thuẫn này nhà TB cần tìm trên thị trường 1 loại hàng hóa đặc biệt tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân họ dó là hàng hóa sức lao động.

## CÂU 2: Tư bản là gì? Thế nào là nhà tư bản? Theo Karl Marx, nhà tư bản khác với tiểu tư sản ở điểm nào?

* Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư. Giá trị luân chuyển từ hình thái này sang hình thái khác (hình thái tiền và hình thái hàng hóa, nếu không mang hình thái hàng hóa tiền không trở thành tư bản được).
* Có 2 điều kiện hợp thành nhà tư bản:
* Người đó là chủ tiền (công thức T-H-T’)
* Không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất (sản xuất qui mô lớn).
* Nhà tư bản khác tiểu tư sản: Tiểu tư sản cũng là người chủ tiền (CT: T-H-T’) nhưng là người tham gia trực tiếp vào quy trình sản xuất, qui mô sản xuất nhỏ.

## CÂU 3: Giá trị thặng dư TBCN là gì? Nguồn gốc giá trị thặng dư theo Karl Marx? Biểu hiện của giá trị thặng dư trong CNTB?

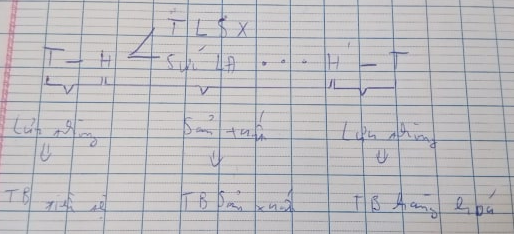
* Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao dộng do người lao động làm thuê tạo ra và thuộc về nhà tư bản.
* Nguồn gốc: Lao động làm thuê là nguồn gốc duy nhất tạo ra giá trị thặng dư. Máy móc không tạo ra giá trị thặng dư.
* Biểu hiện:
* Lợi nhuận: là kết quả của sản xuất kinh doanh.
* Lợi tức: là kết quả của việc cho vay.
* Địa tô: là kết quả cho thuê đất

## CÂU 4: Tiền công là gì? Tại sao tiền công không phải là giá cả của lao động?

* Tiền công là giá cả hay giá trị của sức lao động.
* Lao động là quá trình tiêu dùng sức lao động. Sức lao động tồn tại trong người lao động. Người lao động vận dụng sức lao động để sản xuất kết hợp với máy móc tư liệu sản xuất để sản xuất gọi là lao động. Vì vậy, tiền công mà người lao động được hưởng là giá cả của hàng hóa sức lao dộng chứ không phải giá cả của lao động.

## CÂU 5: Tuần hoàn, chu chuyển tư bản là gì? Tốc độ chu chuyển tư bản và ý nghĩa của việc nghiên cứu chu chuyển tư bản?

* Tuần hoàn tư bản: Là sự vận động của tư bản, trải qua 3 giai đoạn lần lượt mang 3 hình thái khác nhau, thực hiện 3 chức năng khác nhau rồi quay lại hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư.



* Chu chuyển tư bản: là quá trình tuần hoàn tư bản được lặp đi lặp lại không ngừng.

TG chu chuyển tư bản = TG sản xuất + TG lưu thông.

* Tốc độ chu chuyển: là số vòng chu chuyển của tư bản trong 1 năm.

**n = CH/ch.**

Trong đó:

* n: số vòng chu chuyển
* CH: TG trong 1 năm
* ch: TG cho 1 vòng chu chuyển
* Việc nghiên cứu chu chuyển tư bản có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất và kinh doanh. Tốc dộ cho chuyển càng lớn thì lợi nhuận tư bản thu được càng nhiều.

## CÂU 6: Tư bản bất biến, tư bản khả biến là gì? Mối quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến với tư bản cố định, tư bản lưu động? Ý nghĩa của việc nghiên cứu các cặp tư bản trên?

* Tư bản bất biến và tư bản khả biến:
* Tư bản bất biến là bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất và không thay đổi đại lượng giá trị của nó trong quá trình sản xuất (kí hiệu là c).
* Tư bản khả biến là bộ phân tư bản biến thành sức lao động nhưng lại không thay đổi giá trị của nó trong quá trình sản xuất (kí hiệu là v).
* Mối QH:

Tư bản bất biến = máy móc thiết bị nhà xưởng (c1) + nguồn nghiên vật liệu (c2). Trong đó: c1 tư bản cố định.

Tư bản lưu động = c2+ v (sức lao động).

Tư bản cố định: giá trị của nó chuyển dần dần vào giá trị sản xuất dưới hình thức khấu hao.

Tư bản lưu động: giá trị của nó chuyển hết vào giá trị sản phẩm trong 1 lần sx.

* Ý nghĩa:
* Nghiên cứu tư bản bất biến và tư bản khả biến nhằm mực đích tìm ra nguồn gốc của giá trị thặng dư.
* Nghiên cứu tư bản cố định – tư bản lưu động nhằm tìm ra giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## CÂU 7: Phân tích 2 phương pháp sx giá trị thặng dư. Tại sao Karl Marx nói rằng giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tưởng của giá trị thặng dư tương đối?

* Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp được thực hiện trên cơ sở kéo dài thời gian lao động của công nhân trong điều kiện thời gian lao động cần thiết không đổi
* Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết để kéo dài 1 cách tương đối thời gian lao động thặng dư trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội trong điều kiện ngày lao động không đổi.
* Giải thích:
* Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt làm cho giá trị hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó.
* Mác gọi giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tưởng vì càng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động, tuy nhiên có một số điểm khác biệt.

GTTD siêu ngạch

* Tăng năng suất LĐ cá biệt.
* Nhà TB cá biệt thu được giá trị thặng dư
* Thể hiện mối QH giữa nhà TB và công nhân

GTTD tương đối

* Tăng năng suất LĐ xã hội
* Giai cấp TB thu được giá trị thặng dư
* Thể hiện quan hệ giai cấp tư sản với giai cấp công nhân

## CÂU 8: Tích lũy tư bản là gì? Phân tích những nhân tố làm tăng tích lũy và hệ quả?

* Tích lũy tư bản là tư bản hóa giá trị thặng dư.
* Giá trị thặng dư được chia thành 2 phần: 1 phần để tiêu dùng, 1 dùng để tích lũy.
* Những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy: (muốn phân tich thêm trang 67)
* Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư:
* Nâng cao năng suất lao động:
* Sử dụng hiệu quả máy móc:
* Đại lượng tư bản ứng trước:
* Hệ quả: (muốn phân tich thêm trang 68)
* Làm tăng cấu tạo hữu cơ tư bản
* Làm tăng tích tụ và tập trung tư bản
* Làm tăng chênh lệch giữa nhà tư bản và người lao động

## CÂU 9: Chi phí sản xuất TBCN khác với chi phí thực tế như thế nào? So sánh lợi nhuận với giá trị thặng dư?

* Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) là chi phí về tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) mà nhà TB ra để sản xuất hàng hóa.

Chi phí sản xuất TBCN (k) = c + v

* Xét về mặt chất, chi phí thực tế là chi phí sản xuất TBCN nhằm thu được GTTD. Chi phí thực tế là chi phí nhằm xác định giá trị hàng hóa. Xét về lượng, chi phí sản xuất TBCN nhỏ hơn chi phí tư bản thực tế.

chi phí thực tế (G) = c + v + m

* So sánh: Lợi nhuận (p) là số tiền mà nhà TB thu được sau khu bán hàng hóa do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất TBCN.

Về mặt chất

* Giá trị thặng dư (m) và lợi nhuận (p) là một vì có chung nguồn gốc là lao động. Lợi nhuận là hình thái chuyển hóa của giá trị thặng dư (GTTD) và lợi nhuận phản ánh sai lệch quan hệ sản xuất TBCN vì lầm tưởng rằng lợi nhuận sinh ra chi phí sản xuất tạo ra chứ không phải GTTD.

Về mặt lượng

* Tổng lợi nhuận = tổng GTTD.
* Tuy nhiên, lợi nhuận và GTTD không bằng nhau do quan hệ cung cầu quyết định.
* p > m => cung < cầu
* p < m => cung > cầu
* p = m => cung = cầu

## CÂU 10: Địa tô TBCN là gì? Địa tô TBCN khác địa tô phong kiến như thế nào? Trình bày các loại địa tô TBCN?

* Địa tô tư bản chủ nghĩa là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp trả cho địa chủ.

GTTD công nhân nông nghiệp tạo ra = lợi nhuận bình quân + địa tô TBCN

* So sánh:
* Địa tô phong kiến phản ánh quan hệ sản xuất giữa địa chủ và nông nô.
* Địa tô tư bản chủ nghĩa phản ánh quan hệ sản xuất giữa địa chủ, nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp và công nhân nông nghiệp.
* Địa tô TBCN < địa tô phong kiến.
* Địa tô TBCN = địa tô tuyệt đối + địa tô chênh lệch
* Địa tô tuyệt đối: là địa tô địa chủ thu được trên những mảnh đất cho thuê, không kể độ màu mỡ của tự nhiên thuận lợi hay thâm canh.
* Địa tô chênh lệch: là địa tô thu được trên những mảnh đất có lợi thế về điều kiện sản xuất.
* Địa tô chênh lệch I: thu được trên mảnh đất có độ màu mỡ tốt hơn, vị trí thuận lợi hơn.
* Địa tô chênh lệch II: Thu được do thâm canh.
* Độc quyền kinh doanh ruộng đất sinh ra địa tô chênh lệch, độc quyền tư hữu ruộng đất sinh ra địa tô tuyệt đối.

# CHƯƠNG 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

## CÂU 1: Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

* Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Việt Nam là:
* Nền kinh tế vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
* Có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
* Tính tất yếu, khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam:
* Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là phù hợp với tính quy luật phát triển khách quan, thúc đẩy phát triển không ngừng đời sống vật chất tinh thần cho toàn xã hội.
* Kinh tế thị trường định hướng XHCN phù hợp với nguyện vọng của nhân dân mong muốn: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## CÂU 2: Trình bày những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

* Về mục tiêu: Phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.
* Về quan hệ sở hữu và các thành phần kinh tế:
* Quan hệ sở hữu là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất. Ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế.
* Hình thức sở hữu:
* Sở hữu toàn dân
* Sở hữu tập thể
* Sở hữu tư nhân
* Các thành phần kinh tế:
* Thành phần kinh tế nhà nước => Đóng vai trò chủ đạo
* Thành phần kinh tế tập thể
* Thành phần kinh tế tư nhân => động lực kinh tế
* Về quan hệ quản lí nền kinh tế: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhà nước pháp quyền XHCN quản lý bằng pháp luật.
* Về quan hệ phân phối: Nhiều hình thức phân phối: phân phối theo lao động, theo hiệu quả kinh tế, theo đóng góp các nguồn lực => tất cả nhằm thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội.

## CÂU 3: Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

* Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN.
* Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.
* Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.
* Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.
* Hoàn thiện thể chế nâng cao năng lực hệ thống chính trị.

## CÂU 4: Lợi ích kinh tế là gì? Biểu hiện và vai trò của lợi ích kinh tế?

* Khái niệm lợi ích kinh tế: Lợi ích là sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong mối quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội đó. Tóm lại, lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người.
* Bản chất và vai trò:
* Bản chất: Lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ xã hội.
* Biểu hiện: lợi ích kinh tế của người kinh doanh là lợi nhuận, của người lao động là tiền công, của người cho vay là lợi tức, của người cho thuê đất là địa tô.
* Vai trò:
* Là động lực trực tiếp của các chủ thể kinh tế và hoạt động kinh tế - xã hội.
* Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển của các lợi ích khác.

## CÂU 5: Quan hệ lợi ích kinh tế và các nhân tố ảnh hưởng?

* Quan hệ lợi ích kinh tế là sự thiết lập những tương tác giữa người với người, giữa các cộng đồng người, giữa các tổ chức kinh tế, giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế, giữa con người với tổ chức kinh tế, giữa quốc gia với phần còn lại của thế giới nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế trong mối liên hệ với trình độ phát triển của LLSX và kiến trúc thượng tầng tương ứng với một giai đoạn phát triển xã hội nhất định.
* Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế:
* Trình độ phát triển lực lượng: Số lượng và chất lượng hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người.
* Địa vị của chủ thể: Vị trí, vai trò của mỗi người, mỗi chủ thể tham gia vào quá trình phân chia lợi ích.
* Chính sách phương pháp thu nhập: Thay đổi mức thu nhập và tương quan thu nhập của các chủ thể kinh tế: chính sách, công cụ.
* Hội nhập kinh tế quốc tế: Gia tăng lợi ích kinh tế từ thương mại và đầu tư quốc tế…Hội nhập có tác động đa chiều.

## CÂU 6: Các quan hệ lợi ích chủ yếu trong nền kinh tế thị trường? Sự thống nhất và mâu thuẩn trong các quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích?

* Các quan hệ lợi ích chủ yếu trong nền kinh tế thị trường:
* Quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động.
* Quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động.
* Quan hệ lợi ích giữa người lao động.
* Quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội.
* Sự thống nhất và mâu thuẩn giữa các lợi ích kinh tế:
* Một chủ thể có thể trở thành bộ phận của thành của chủ thể khác.
* Vì lợi ích riêng có thể gây ảnh hưởng đến lợi ích chung, lợi ích kinh tế của người khác.
* Tăng của người này giảm người khác.
* Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế:
* Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.
* Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội.
* Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.
* Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế.